



Member of  **Kreston International**  
A worldwide network of independent accountants

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ KRESTON INTERNATIONAL  
AUDIT AND FINANCIAL CONSULTING LIMITED COMPANY AND ASSOCIATES  
*Member of Kreston International*

Kiểm toán/Audit • Thuế/Tax • Tư vấn/Consulting • Tài chính doanh nghiệp/Corporate Finance •

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

1347  
3 TY  
M HỮU  
IVÀ TU  
CHÍNH  
AN - T

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tinh	Ủy viên
Ông Marume Mitsuo	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2010)
Ông Lê Cao Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



*Handwritten signature*

**Trần Thị Lê Hải**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Số: 61.3 /BCKT 2011-ACA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19 tháng 04 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

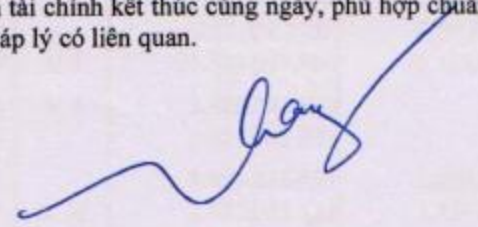
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Chu Quang Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

**Lê Xuân Thắng**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Hà Nội, Ngày 19 tháng 04 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>237.766.882.485</b>	<b>162.804.099.470</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.634.003.656</b>	<b>1.042.934.381</b>
1. Tiền	111		1.634.003.656	1.042.934.381
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110.305.895.343</b>	<b>74.550.396.755</b>
1. Phải thu khách hàng	131		102.275.684.697	54.503.546.996
2. Trả trước cho người bán	132		7.949.345.915	4.496.869.502
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	1.113.066.289	15.706.846.063
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		( 1.032.201.558)	(156.865.806)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>122.262.252.952</b>	<b>84.895.894.229</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	122.262.252.952	84.895.894.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.564.730.534</b>	<b>2.314.874.105</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.724.898	198.651.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.836.200	141.929.347
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4	459.276.582	467.252.518
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.011.892.854	1.507.040.734
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+260)	<b>200</b>		<b>155.417.355.069</b>	<b>119.016.925.794</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>169.810.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	169.810.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>147.998.125.110</b>	<b>116.756.117.216</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	80.718.930.920	78.193.489.003
- Nguyên giá	222		115.264.267.745	104.176.309.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.545.336.825)	(25.982.820.537)
2. Tài sản thuê tài chính	224	V.6	3.639.699.149	171.595.190
- Nguyên giá	225		3.728.518.728	228.656.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		( 88.819.579)	(57.061.679)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	119.397.691	198.462.775
- Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		( 288.421.775)	(209.356.691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	63.520.097.350	38.192.570.248
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>3.421.783.900</b>	-
- Nguyên giá	241		3.421.783.900	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.997.446.059</b>	<b>2.090.998.578</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.621.085.334	1.839.687.853
3. Tài sản dài hạn khác	268		376.360.725	251.310.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>393.184.237.554</b>	<b>281.821.025.264</b>

Các Thuyết minh từ trang 8 đến 27 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>268.172.608.385</b>	<b>162.309.046.495</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>226.165.576.863</b>	<b>144.596.345.992</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	122.439.506.474	78.446.065.954
2. Phải trả cho người bán	312		58.425.257.294	41.514.917.763
3. Người mua trả tiền trước	313		31.382.427.377	20.411.505.290
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.935.356.290	1.315.474.311
5. Phải trả người lao động	315		2.271.545.028	1.591.078.413
6. Chi phí phải trả	316		345.163.733	368.801.980
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	8.366.320.667	948.502.281
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.007.031.522</b>	<b>17.712.700.503</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	165.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	15.355.591.218	17.547.700.503
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		26.651.440.304	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>125.011.629.169</b>	<b>119.511.978.769</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>125.011.629.169</b>	<b>119.511.978.769</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		780.629.594	500.713
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.441.189.359	1.479.619.103
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.983.695.358	1.022.125.102
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		961.570.256	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.844.544.602	17.009.733.851
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>393.184.237.554</b>	<b>281.821.025.264</b>



Ngày 19 tháng 04 năm 2011

*(Signature)*  
 Lưu Thị Thúy Hiền  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ: B 02-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	331.076.622.326	219.854.853.723
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	2.712.787.667	3.305.760.584
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		328.363.834.659	216.549.093.139
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	259.580.563.430	160.879.177.026
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.783.271.229	55.669.916.113
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		51.703.818	189.381.099
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.164.197.187	11.638.246.996
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.308.579.148	8.330.662.702
8. Chi phí bán hàng	24		14.893.121.412	13.231.410.325
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.058.392.664	12.306.518.654
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.719.263.784	18.683.121.237
11. Thu nhập khác	31		676.993.098	401.424.215
12. Chi phí khác	32		253.414.270	170.397.255
13. Lợi nhuận khác	40		423.578.828	231.026.960
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		22.142.842.612	18.914.148.197
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.5	2.044.002.623	578.034.140
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		20.098.839.989	18.336.114.057
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ			20.098.839.989	18.336.114.057
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.6	2.010	1.834



Trần Thị Lê Hải  
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Lưu Thị Thúy Hiền  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

**MẪU SỐ: B 03-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	392.775.587.685	285.675.554.833
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(378.967.060.019)	(273.830.154.110)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.824.329.892)	(13.341.649.937)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(17.579.882.133)	(1.364.606.660)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.563.374.133)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	44.565.002.492	93.051.348.377
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.422.249.495)	(102.581.108.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(14.016.305.495)</b>	<b>(12.390.615.803)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(16.042.030.902)	(8.534.050.149)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	47.419.473	40.679.294
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.400.368	183.363.735
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.952.211.061)</b>	<b>(8.310.007.120)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	232.332.262.481	151.731.145.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(191.984.777.567)	(129.684.082.009)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(3.941.980.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.789.180.000)	(72.285.248)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.558.304.914</b>	<b>18.032.798.584</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>589.788.358</b>	<b>(2.667.824.339)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.042.934.381</b>	<b>3.710.460.130</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>1.280.917</i>	<i>298.590</i>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.634.003.656</b>	<b>1.042.934.381</b>



Trần Thị Lê Hải  
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Lưu Thị Thúy Hiền  
 Kế toán trưởng



**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 2 năm 2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19 tháng 9 năm 2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 2 năm 2007.

Vốn điều lệ trong đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 là 100.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chi hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

**Các Công ty con được hợp nhất:**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Khu Công nghiệp Tân Tạo A, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)**

Như trình bày tại Thuyết minh số VII.2, Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104959489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 11 năm 2010, với số vốn điều lệ 18 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nắm giữ toàn bộ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chưa góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á và công này chưa đi vào hoạt động nên không hợp nhất tại Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ trên máy tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Tài sản cố định khác	4 - 5

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê nhà, đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê nhà, đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao, tấm xếp PP, bạt Hiflex và thanh Profile Sea, sản phẩm nhựa uPVC có lõi thép gia cường; doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực số Kế toán Việt Nam 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm 780.629.594 VND (năm 2009 là 500.713 VND) và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## Thuế (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 55/GP-UB ngày 13 tháng 06 năm 2006 của UBND Thành phố Hà Nội và giấy chứng nhận đầu tư số 39/GCNUĐ ngày 30 tháng 3 năm 2006 của UBND Tỉnh Hà Nam thì Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Đông Á tại Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội và tại Hà Nam nên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hai dự án trên đang trong giai đoạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hai dự án trên hình thành lên hai công ty con đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2007 là Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

## V.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	59.915.594	271.096.247
Tiền gửi ngân hàng	1.574.088.062	771.838.134
<b>Cộng</b>	<b>1.634.003.656</b>	<b>1.042.934.381</b>

## V.2 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Tây Đô	-	15.000.000.000
Đối tượng khác	1.113.066.289	706.846.063
<b>Cộng</b>	<b>1.113.066.289</b>	<b>15.706.846.063</b>

## V.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.286.506.479	173.519.022
Nguyên liệu, vật liệu	39.217.120.740	34.628.415.117
Công cụ, dụng cụ	1.410.275.134	1.153.095.466
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.124.726.977	6.605.913.826
Thành phẩm	20.848.115.376	13.568.911.182
Hàng hóa	38.374.648.671	28.766.039.616
Hàng gửi đi bán	859.575	-
<b>Cộng</b>	<b>122.262.252.952</b>	<b>84.895.894.229</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.4 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.276.582	467.252.518
<b>Cộng</b>	<b>459.276.582</b>	<b>467.252.518</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MAU SỐ B09A – DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	44.278.569.183	49.744.819.426	9.395.599.400	757.321.531	104.176.309.540
Mua trong năm	142.548.006	10.980.419.817	-	60.054.982	11.183.022.805
Thanh lý, nhượng bán	-	(95.064.600)	-	-	(95.064.600)
Tại ngày 31/12/2010	44.421.117.189	60.630.174.643	9.395.599.400	817.376.513	115.264.267.745
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	4.535.996.532	13.759.032.670	7.281.402.477	406.388.859	25.982.820.537
Khấu hao trong năm	1.983.071.534	5.759.629.269	720.133.530	187.560.738	8.650.395.071
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.878.783)	-	-	(87.878.783)
Tại ngày 31/12/2010	6.519.068.066	19.518.661.939	8.001.536.007	593.949.597	34.545.336.825
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	39.742.572.651	35.985.786.756	2.114.196.924	350.932.673	78.193.489.003
Tại ngày 31/12/2010	37.902.049.123	41.111.512.704	1.394.063.394	223.426.917	80.718.930.920

11020  
CỔ  
ẢNH N  
HÀNG T  
TÀI  
NH XU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	228.656.869	228.656.869
Thuê tài chính trong kỳ	3.499.861.859	-	3.499.861.859
Tại ngày 31/12/2010	3.499.861.859	228.656.869	3.728.518.728
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	57.061.679	57.061.679
Khấu hao trong kỳ	235.747.193	31.757.900	31.757.900
Tại ngày 31/12/2010	235.747.193	88.819.579	88.819.579
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	171.595.190	171.595.190
Tại ngày 31/12/2010	3.264.114.666	139.837.290	3.639.699.149

**V.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Tại ngày 31/12/2010	387.972.800	19.846.666	407.819.466
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	196.539.028	12.817.663	209.356.691
Khấu hao trong năm	74.103.408	4.961.676	79.065.084
Tại ngày 31/12/2010	270.642.436	17.779.339	288.421.775
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2010	191.433.772	7.029.003	198.462.775
Tại ngày 31/12/2010	117.330.364	2.067.327	119.397.691

3347  
IG TY  
EM HUU  
NVA TU  
CHINH  
AN. TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÀU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	7.980.866.243	1.329.219.054
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - CT TNHH MTV SM <sup>1</sup>	1.792.522.400	4.227.103.900
Khu công nghiệp Hà Nam	-	72.835.000
Khu công nghiệp Tân Tạo	38.955.466.388	28.650.904.109
Nhà xưởng sản xuất nhôm Composite	8.084.822.940	3.571.722.276
Nhà máy tại khu Công nghiệp Tân Tạo	-	142.548.006
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	6.706.419.379	-
Công trình khác	-	198.237.903
<b>Cộng</b>	<b>63.520.097.350</b>	<b>38.192.570.248</b>

**V.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng lô đất có diện tích 960 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm trong năm 2010 với mục đích chờ tăng giá.

**V.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí chung của Văn phòng	973.956.408	151.897.500
Chi phí công cụ dụng cụ	-	109.014.039
Chi phí phân bổ làm giá sắt đũa NVL	-	274.816.317
Chi phí thuê Showroom	-	133.128.000
Công cụ dụng cụ	1.342.599.311	435.146.771
Các khoản chi phí khác	1.304.529.615	735.685.226
<b>Cộng</b>	<b>3.621.085.334</b>	<b>1.839.687.853</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
 Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>114.835.757.441</b>	<b>78.370.782.322</b>
Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	-	16.822.798.512
VND	-	6.037.073.821
USD	-	10.785.724.691
Ngân hàng TMCP Quân đội	89.986.632.125	41.786.658.653
VND	64.205.251.930	39.596.897.212
USD	25.781.380.195	2.189.761.441
Ngân hàng TMCP Tiên phong	13.322.005.786	13.430.487.130
VND	5.442.225.051	7.403.867.635
USD	7.879.780.735	6.026.619.495
Ngân hàng TMCP Á châu	-	6.330.838.027
VND	-	6.330.838.027
USD	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.527.119.530	-
VND	8.048.553.850	-
USD	3.478.565.680	-
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.603.749.033</b>	<b>75.283.632</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	6.847.156.952	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	731.894.542	-
Công ty TNHH Cho thuê TC Quốc tế Chailease	24.697.539	75.283.632
<b>Cộng</b>	<b>122.439.506.474</b>	<b>78.446.065.954</b>

**V.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	941.608.541	329.126.434
Thuế xuất nhập khẩu	361.393.333	123.577.269
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.243.844.413	723.241.596
Thuế Thu nhập cá nhân	388.510.003	139.529.012
<b>Cộng</b>	<b>2.935.356.290</b>	<b>1.315.474.311</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	14.400
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	428.238.739	194.235.765
Bảo hiểm thất nghiệp	20.076.216	7.923.800
Tài sản thừa chờ giải quyết	427.157.072	235.613.900
Đối tượng khác	7.490.848.640	510.714.416
<b>Cộng</b>	<b>8.366.320.667</b>	<b>948.502.281</b>

**V.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>13.403.873.592</b>	<b>17.547.700.503</b>
Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	-	4.378.700.503
VND	-	1.711.845.488
USD	-	2.666.855.015
Ngân hàng Á Châu	4.780.000.000	12.700.000.000
VND (*)	4.780.000.000	12.700.000.000
Ngân hàng Quân đội	8.623.873.592	469.000.000
VND	-	469.000.000
USD (**)	8.623.873.592	-
<b>Nợ dài hạn (***)</b>	<b>1.951.717.626</b>	<b>-</b>
Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại thương	1.951.717.626	-
<b>Cộng</b>	<b>15.355.591.218</b>	<b>17.547.700.503</b>

(\*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m<sup>2</sup> với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND;
- Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(\*\*) Là khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: hàng tồn kho luân chuyển trị giá 20.000.000.000 VND; hai (02) dây chuyền sản xuất thanh Profile trị giá 160.000 USD; máy dán Laminator và máy cắt trị giá 64.000 USD.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010.
  - Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ( ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.
- (\*\*\*) Theo Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ngày 28/05/2010 với tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B09 - DN/RN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****V.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ DP tài chính		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000		500.713		1.479.619.103		1.022.125.102		-		17.009.733.851		119.511.978.769
(Sau khi trình bày lại)													
Lãi trong năm	-		-		-		-		-		20.098.839.989		20.098.839.989
Chi trả cổ tức	-		-		-		-		-		(14.034.400.000)		(14.034.400.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-		500.713		-		-		-		-		500.713
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-		779.628.168		-		-		-		-		779.628.168
Trích các quỹ	-		-		961.570.256		961.570.256		961.570.256		(2.884.710.768)		-
Giảm khác	-		-		-		-		-		(1.344.918.470)		(1.344.918.470)
Tại ngày 31/12/2010	100.000.000.000		780.629.594		2.441.189.359		1.983.695.358		961.570.256		18.844.544.602		125.011.629.169

(\*) Là khoản chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-DHĐCĐ ngày 16/4/2010.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**V.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần hai số 0103014564 ngày 12 tháng 2 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>65.495.000.000</b>	<b>65,5%</b>	<b>65.495.000.000</b>	<b>65.495.000.000</b>
Công ty TNHH TM				
Dịch vụ Hùng Phát	28.920.000.000	28,9%	28.920.000.000	28.920.000.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	36.425.000.000	36,4%	36.425.000.000	36.425.000.000
Bà Nguyễn Thị Tính	150.000.000	0,2%	150.000.000	150.000.000
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>34.505.000.000</b>	<b>34,5%</b>	<b>34.505.000.000</b>	<b>34.505.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2010/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2010, Công ty thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2010 với mức là 1.400 đồng/cổ phần. Tổng giá trị cổ tức chi trả là 14.000.000.00 VNĐ. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 4 tháng 3 năm 2011.

**Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
 Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****VI.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán thành phẩm	197.766.843.605	149.322.913.173
Doanh thu bán hàng hoá	131.497.506.358	56.163.963.606
Doanh thu khác	1.812.272.363	14.367.976.944
<b>Cộng</b>	<b>331.076.622.326</b>	<b>219.854.853.723</b>

**VI.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	1.889.635.685	2.850.639.574
Hàng bán bị trả lại	823.151.982	455.121.010
<b>Cộng</b>	<b>2.712.787.667</b>	<b>3.305.760.584</b>

**VI.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng đã bán	259.580.563.430	160.879.177.026
<b>Cộng</b>	<b>259.580.563.430</b>	<b>160.879.177.026</b>

**VI.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	13.308.579.148	8.330.662.702
Chi phí tài chính khác	3.855.618.039	3.307.584.294
<b>Cộng</b>	<b>17.164.197.187</b>	<b>11.638.246.996</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****VI.5 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được cộng từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty con và công ty mẹ trên các Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con, mà theo đó, lợi nhuận chịu thuế trên các Báo cáo tài chính riêng này không được bù trừ và thuế suất thuế thu nhập của các công ty là khác nhau.

**VI.6 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.098.839.989	18.336.114.057
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.010</b>	<b>1.834</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****VII.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****A, Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Doanh thu</b>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	51.235.097.301	120.389.412.693
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	20.987.775.545	23.193.621.560

**B, Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	1.846.169.418	31.958.410.681
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	15.536.562.577	10.369.005.092

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**VII.2 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104959489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 11 năm 2010, với số vốn điều lệ 18 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nắm giữ toàn bộ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chưa góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á và công này đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đi vào hoạt động trong đầu năm 2011.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 2 năm 2011, Công ty sẽ tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đông Á, vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á là 40%.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 757/UBCK-GCN do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010 và Quyết định gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 217/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty bắt đầu chào bán ra công chúng tổng số lượng cổ phiếu phổ thông là 2.500.000 cổ phiếu ngày 09 tháng 02 năm 2011 và kết thúc chào bán ngày 04 tháng 03 năm 2011, tổng số cổ phiếu đã chào bán hết là 2.500.000 cổ phiếu.

**VII.3 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là vẫn có thể xảy ra.

**VII.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh cho bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

**SỐ TRÌNH BÀY/PHÂN LOẠI LẠI TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

NGUỒN VỐN	Mã số	Theo BCKT năm 2009	Số đầu năm được trình bày lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	323	(1.976.966.331)	-	1.976.966.331
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>			
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (ii)	420	18.986.700.182	17.009.733.851	(1.976.966.331)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi  
Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MAU SỐ B09 - DN/HN

**VII.4 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

- (i) Điều chỉnh lại khoản Quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 chưa kết chuyển nguồn.
- (ii) Ảnh hưởng của việc điều chỉnh khoản chi Quỹ khen thưởng phúc lợi lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhưng chưa kết chuyển nguồn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh, phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và tin tưởng việc điều chỉnh, phân loại lại đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp điều chỉnh, phân loại lại sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.



*[Signature]*  
Trần Thị Lê Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2011

Lưu Thị Thúy Hiền  
Kế toán trưởng



Member of  **Kreston International**

#### ABOUT KRESTON INTERNATIONAL

Kreston International Limited was founded in 1971 to offer clients reliable and convenient access to quality services through member firms located around the globe. It is one of the largest accounting networks in the world with more than 700 world-wide offices.

Kreston International is organised as a United Kingdom company limited by guarantee. It is a network of independent member firms who share the costs of maintaining and operating the organisation. Members are partnerships or incorporated companies practicing in their own right, nothing in the Constitution of the network, this directory or elsewhere shall constitute or imply a partnership between the members

[www.kreston.com](http://www.kreston.com)



#### Trụ sở chính:

P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1, Trung Hòa - Nhân Chính  
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail: [contact@ifc-acagroup.vn](mailto:contact@ifc-acagroup.vn)

Website: [www.ifc-acagroup.vn](http://www.ifc-acagroup.vn)

Văn phòng có tại Hải Phòng, Hải Dương, Vinh và TP. Hồ Chí Minh

#### Trụ sở chính Kreston International:

17 Clematis Tye, Springfield,  
Essex, CM1 6GL, England

Tel: + 44 (0) 1245 443 848

Fax: + 44 (0) 1245 443 858

E-mail: [admin@kreston.com](mailto:admin@kreston.com)

Website: [www.kreston.com](http://www.kreston.com)

#### Head Office:

Suite 1501, 15<sup>th</sup> Floor, 17T-1 Building, Trung Hoa - Nhan Chinh  
Hanoi, Vietnam

Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail: [contact@ifc-acagroup.vn](mailto:contact@ifc-acagroup.vn)

Website: [www.ifc-acagroup.vn](http://www.ifc-acagroup.vn)

Offices are also in Hai Phong, Hai Duong, Vinh and Ho Chi Minh City

#### Kreston International Head Office:

17 Clematis Tye, Springfield,  
Essex, CM1 6GL, England

Tel: + 44 (0) 1245 443 848

Fax: + 44 (0) 1245 443 858

E-mail: [admin@kreston.com](mailto:admin@kreston.com)

Website: [www.kreston.com](http://www.kreston.com)

